

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 20 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN

Xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

Đơn vị được xét duyệt: Trường Cao đẳng Sơn La

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1008909

Mã chương: Chương 422, Loại, Khoản 093,402

I. Thành phần xét duyệt:

1. Đại diện Trường Cao đẳng Sơn La

- | | |
|----------------------------|----------------------|
| - Ông: Nguyễn Đức Long | - Hiệu Trưởng |
| - Bà: Cung Thị Thanh | - Trưởng phòng KH-TC |
| - Bà: Nguyễn Thị Thu Hương | - Kế toán trưởng |

2. Đại diện Sở Tài chính

- | | |
|-------------------------|-------------------------------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Phong | - Phó Giám đốc |
| - Bà: Đinh Thị Thuận | - Trưởng phòng TCHCSN |
| - Bà: Phạm Như Quỳnh | - Thẩm kế |
| - Ông: Lê Văn Thanh | - Trưởng phòng Quản lý giá công sản |

II. Nội dung xét duyệt

1. Phạm vi xét duyệt: Sở Tài chính xét duyệt quyết toán NSNN năm 2023 phần NSNN cấp (không bao gồm chi đầu tư XD/CB, các khoản thu hộ, chi hộ, các khoản kinh phí nhận tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, các nhân...)

2. Nội dung xét duyệt:

Sở Tài chính thực hiện xét duyệt quyết toán năm 2023 trên cơ sở báo cáo quyết toán năm, tài liệu do Trường Cao đẳng Sơn La lập, cung cấp và chịu trách nhiệm. Nội dung xét duyệt Sở Tài chính thực hiện theo các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 137/2027/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính.

3. Số liệu quyết toán

3.1. Thu phí, lệ phí: Theo báo cáo quyết toán của các đơn vị lập gửi Sở Tài chính, hoạt động thu của đơn vị thuộc loại hình thu hoạt động dịch vụ; trong năm không phát sinh khoản thu này. Trường hợp qua thanh tra, kiểm tra, kiểm

toán phát hiện khoản thu này, Thủ trưởng, kế toán đơn vị và các đối tượng liên quan chịu trách nhiệm toàn diện về tính trung thực của báo cáo và các quy định xử lý của pháp luật.

3.2. Quyết toán chi ngân sách

- Số dư năm trước chuyển sang:	7.954.595.611	đồng
- Dự toán giao trong năm (tại Quyết định 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh), trong đó:	137.323.816.116	đồng
+ Dự toán giao đầu năm:	124.326.000.000	đồng
+ Dự toán bổ sung trong năm:	13.149.667.116	đồng
+ Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên (đã thu hồi tại Quyết định 2666/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND tỉnh):	- 151.851.000	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm 2023:	145.180.748.727	đồng
- Kinh phí đề nghị quyết toán:	130.601.581.604	đồng
- Kinh phí giảm trong năm:	1.973.565.030	đồng
+ Xuất toán do chi sai chế độ:	71.073.000	đồng
+ Hủy dự toán:	1.902.492.030	đồng
- Số dư kinh phí được chuyển năm sau sử dụng và quyết toán, bao gồm:	12.774.338.093	đồng
+ Kinh phí đã nhận:		đồng
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:	12.774.338.093	đồng

(Số liệu chi tiết theo biểu số 1c đính kèm)

4. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

4.1. Về số liệu:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:	7.114.913.944	đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN:	7.114.913.944	đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN:	0	đồng

(Số liệu chi tiết theo Biểu số 2 đính kèm)

4.2 Kiến nghị xuất toán, thu hồi của cơ quan Tài chính

Thực hiện kiến nghị tại biên bản và thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Tài chính; trong năm 2023, trên cơ sở đề nghị của đơn vị Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh thu hồi phân chênh lệch đã được cấp bù học phí năm học 2022-2023 theo mức quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP

của Chính phủ, số tiền: 6.341.620.500 đồng (tại Quyết định 1447/QĐ-UBND ngày 07/8/2023) về ngân sách tỉnh quản lý theo quy định.

4.3. Kiến nghị của Kiểm toán nhà nước Khu vực VII

Thực hiện kiến nghị của KTNN khu vực VII về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021, trong đó đề nghị UBND tỉnh giảm trừ dự toán năm sau nguồn thực hiện CCTL còn dư đối với trường Cao đẳng Sơn La, số tiền: 1.831.628.000 đồng (bao gồm cả kiến nghị KTNN năm 2020 chưa thực hiện, số tiền: 41.372.000 đồng). Năm 2022, UBND tỉnh đã thực hiện thu hồi, số tiền: 1.099.706.556 đồng về ngân sách tỉnh; Kinh phí còn lại chưa giảm trừ, số tiền: 773.293.444 đồng (Trong đó: Niên độ 2020 trở về trước: 41.372.000 đồng; Niên độ 2021: 731.921.444 đồng), đơn vị đã thực hiện nộp trả ngân sách tỉnh từ nguồn CCTL (trích từ nguồn thu sự nghiệp năm 2023 của đơn vị) theo quy định.

5. Thuyết minh số liệu quyết toán:

5.1. Tổng kinh phí quyết toán, số tiền: 130.530.508.604 đồng. Trong đó:

- Kinh phí giao tự chủ (khoản 093), số tiền: 19.149.263.882 đồng.
- Kinh phí giao tự chủ (khoản 402), số tiền: 212.983.011 đồng
- Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (khoản 093), số tiền: 60.041.080.690 đồng
- Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (khoản 402), số tiền: 14.371.449.691 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương từ NSNN, số tiền: 0 đồng.
- Kinh phí CTMT giảm nghèo bền vững, số tiền: 10.228.435.500 đồng
- Kinh phí CTMT đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số tiền: 26.527.295.830 đồng.

5.2. Tình hình thực hiện dự toán

Trường Cao đẳng Sơn La đã sử dụng kinh phí được giao năm 2023 để thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí còn lại, số tiền: 8.969.500.857 đồng đã được KBNN xác nhận và đối chiếu, trong đó:

- Chuyển nguồn sang năm 2024, số tiền: 12.774.338.093 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí thường xuyên (khoản 093): 4.488.223 đồng; được chuyển nguồn theo quy định.
 - + Kinh phí thường xuyên đào tạo học sinh Lào (khoản 402), số tiền: 152.880.000 đồng; được chuyển nguồn theo quy định.
 - + Kinh phí CTMT giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương 422, khoản 093, mã DA 00474), số tiền: 2.381.068.700 đồng; được chuyển nguồn theo quy định.

+ Kinh phí CTMT phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 (Chương 422, khoản 093, mã DA 00515), số tiền: 10.235.901.170 đồng.

- Kinh phí giảm trong năm, số tiền: 1.973.565.030 đồng, trong đó:

+ Hủy dự toán, do hết nhiệm vụ chi: 1.902.492.030 đồng (*Kinh phí đào tạo cán bộ công chức, số tiền: 97.663.000 đồng; Kinh phí đào tạo học sinh, sinh viên hệ sư phạm, ngoài sư phạm, chuyên môn nghiệp vụ khác (093): 1.634.478.410 đồng; Kinh phí đào tạo Lưu học sinh Lào (khoản 402): 170.320.650 đồng.*

+ Xuất toán do chi sai chế độ, số tiền: 71.073.000 đồng; Lý do: Năm 2023, đơn vị chi thanh toán phụ cấp cấp ủy từ nguồn NSNN cấp không đúng theo quy định tại Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 5 Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở: Đối với chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế. “a) Lập và giao dự toán: Hằng năm, căn cứ vào chế độ chi tại Quy định này, cấp ủy đảng lập kế hoạch tài chính chi hoạt động công tác đảng của cấp mình gửi doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế tổng hợp chung vào kế hoạch tài chính năm của đơn vị mình, khoản kinh phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”.

5.3. Số liệu xét duyệt quyết toán:

- Sở Tài chính chỉ thực hiện xét duyệt số liệu quyết toán do đơn vị lập, nội dung xét duyệt theo quy định tại khoản 1, điều 6, Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính. Thủ trưởng và kế toán đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về tính trung thực, tính pháp lý của hồ sơ quyết toán.

- Theo báo cáo của đơn vị, chứng từ chi, nội dung chi của đơn vị lập, cung cấp, đã được Kho bạc nhà nước kiểm soát chi và chấp nhận thanh toán. Đối với các nội dung chi dịch vụ công cộng (*thanh toán tiền điện, nước, cước điện thoại, tiền vệ sinh môi trường, dịch vụ bảo vệ, các khoản chi mua sắm tài sản khác...*), Sở Tài chính thực hiện đối chiếu số liệu quyết toán và dự toán giao trên cơ sở xác nhận số liệu theo kết quả kiểm soát chi của KBNN, không thực hiện đối chiếu kiểm tra quy trình thực hiện, xác minh nguồn gốc chứng từ thanh toán. Thủ trưởng và kế toán đơn vị, Kho bạc nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính hợp pháp, chính xác của số liệu báo cáo và quyết định chi của mình theo quy định tại Điều 61 Luật NSNN và khoản 2, 3, 4 Điều 38 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán.

5.4. Về thực hiện đào tạo học sinh, sinh viên:

- Năm 2023, đơn vị thực hiện đào tạo học sinh, sinh viên theo cơ chế giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh ban

hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trên địa bàn tỉnh; Quyết định 221/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/01/2023 của Sở Lao động thương binh và xã hội về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho các trường Cao đẳng Sơn La, Cao đẳng Y tế; Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ năm 2023; Quyết định 3115/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/6/2023 về việc điều chỉnh giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cho Trường Cao đẳng Sơn La năm 2023; Quyết định số 155/QĐ-SGDĐT ngày 08/3/2023 của Sở Giáo dục và đào tạo về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN cho Trường Cao đẳng Sơn La đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm 2023.

- Nội dung chi: Theo báo cáo của đơn vị, thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Sở Lao động thương binh và xã hội; Sở Giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ giao nhiệm vụ và biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Số liệu quyết toán: Sở Tài chính thực hiện đối chiếu dự toán và quyết toán theo kết quả nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tại Biên bản nghiệm thu ngày 29/01/2024 giữa Sở Lao động thương binh và xã hội và Trường Cao đẳng Sơn La; Biên bản nghiệm thu ngày 30/01/2024 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường Cao đẳng Sơn La theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; không xét duyệt cụ thể nội dung và mức chi do khoản chi này đã được KBNN kiểm soát và chấp nhận thanh toán.

5.5. Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Năm 2023, đơn vị được UBND tỉnh giao dự toán thực hiện 02 Chương trình Mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Tiểu dự án 1 - Dự án 4, thuộc CTMT quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (vốn sự nghiệp): Đơn vị thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng nhà ăn 2 tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022; Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023, các văn bản hướng dẫn hiện hành và dự toán được UBND tỉnh giao tại các Quyết định: Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 01/7/2022; Quyết định 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022.

- Tiểu dự án 3 - Dự án 5, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025(vốn sự nghiệp), đơn vị thực hiện các nội dung: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; Số hóa chương trình, giáo trình, học liệu; Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy và học; Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá

và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; Mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022; Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023, các văn bản hướng dẫn hiện hành và dự toán được UBND tỉnh giao tại các Quyết định: Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 01/7/2022; Quyết định 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022.

- Sở Tài chính thực hiện kiểm tra dự toán chi ngân sách được giao trong năm, khớp đúng với dự toán được cấp có thẩm quyền giao và đã được thanh toán thực chi với KBNN tỉnh. Thủ trưởng, kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ thanh toán, quy trình thực hiện theo quy định của pháp luật và các kết luận của các cơ quan chức năng về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động SXKD, dịch vụ:

1. Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi năm 2023: 4.228.974.585 đồng,
- Nộp NSNN (thuế TNDN): 132.446.888 đồng
- Trích lập các Quỹ: 2.640.383.297 đồng.
- Kinh phí trích 40% thực hiện cải cách tiền lương: 1.456.144.400 đồng.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

2. Thu từ hoạt động khác (Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu; Dịch vụ môi trường rừng):

a) Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu:

- | | | |
|--|------------|------|
| - Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang: | 11.652.621 | đồng |
| - Kinh phí được giao trong năm: | 87.744.867 | đồng |
| - Kinh phí được sử dụng trong năm: | 99.397.488 | đồng |
| - Kinh phí quyết toán: | 9.860.000 | đồng |
| - Kinh phí còn dư | 89.537.488 | đồng |

b) Dịch vụ môi trường rừng:

- | | | |
|--|------------|------|
| - Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang: | 5.795.000 | đồng |
| - Kinh phí được giao trong năm: | 5.287.000 | đồng |
| - Kinh phí được sử dụng trong năm: | 11.082.000 | đồng |
| - Kinh phí quyết toán: | 0 | đồng |
| - Kinh phí còn dư | 11.082.000 | đồng |

3. Thuyết minh đối chiếu số liệu kết quả hoạt động SXKD, dịch vụ

3.1 Số liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ

- Theo báo cáo của đơn vị, nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ trong năm từ các hoạt động: từ liên kết đào tạo, học phí hệ ngoài sư phạm, thu tiền điện nước nội trú, thu tiền ở KTX, đào tạo học sinh Lào hệ ngoài ngân sách; đánh giá năng lực tiếng việt...: Mức thu đơn vị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Công văn số 818/UBND-VX ngày 08/04/2014 của UBND tỉnh về việc thu, chi kinh phí đào tạo đối với LHS Lào học theo chế độ tự túc; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá cho thuê nhà ở sinh viên của Trường Cao đẳng Sơn La...

- Số liệu thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, Sở Tài chính chỉ thực hiện tổng hợp, đối chiếu số liệu và xác định các khoản thu nộp từ chênh lệch thu chi trên cơ sở báo cáo của đơn vị, không thực hiện kiểm tra từ các khoản thu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 137/2027/TT-BTC ngày 25/12/2017; Thủ trưởng, kế toán đơn vị chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính hợp pháp, tính trung thực và hợp lệ của hồ sơ, chứng từ kế toán và các khoản trích lập, thực hiện nghĩa vụ với NSNN. Trường hợp thanh tra, kiểm toán, các cơ quan chức năng số liệu có thay đổi so với số liệu tại biên bản này, đơn vị thực hiện điều chỉnh số liệu theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu phát hiện sai sót so với số liệu trong báo cáo quyết toán.

3.2 Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu

- Sở Tài chính tổng hợp theo số liệu báo cáo, đề nghị đơn vị chủ động rà soát và quyết toán số liệu với cơ quan Bảo hiểm xã hội, trường hợp qua rà soát quyết toán có thay đổi so với số liệu quyết toán đã gửi Sở Tài chính, đề nghị tổng hợp và giải trình rõ nguyên nhân để làm căn cứ điều chỉnh số liệu xét duyệt.

- Nội dung chi: Năm 2023, đơn vị thực hiện mua thuốc và vật tư y tế trong danh mục BHYT phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBVC và HSSV trong nhà trường tại hóa đơn số 00420 ngày 28/9/2023, số tiền: 9.860.000 đồng, đảm bảo theo quy định tại điều 34, Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT; hạch toán và quyết toán theo quy định tại Thông tư 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; Công văn hướng dẫn số 2620/STC-TCHCSN ngày 15/7/2022 của Sở Tài chính về quyết toán kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu các cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

3.3 Kinh phí dịch vụ môi trường rừng

- Sở Tài chính tổng hợp theo số liệu báo cáo của đơn vị, đề nghị đơn vị chủ động đối chiếu và quyết toán nguồn thu này với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh. Trường hợp số liệu quyết toán có thay đổi so với số liệu đã quyết toán

và gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo giải trình rõ nguyên nhân để làm căn cứ điều chỉnh số liệu duyệt quyết toán.

- Về sử dụng kinh phí: Đề nghị đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng khoản thu này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và tổng hợp quyết toán theo quy định.

IV. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Tại thời điểm xét duyệt quyết toán, Trường Cao đẳng Sơn La đã cung cấp hồ sơ, gồm: Sổ Tài sản cố định theo mẫu S24-H (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023); Danh mục tài sản cố định (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023); Quyết định số 761/QĐ-CĐSL ngày 04/10/2023 của Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023; Biên bản kiểm kê TSCĐ (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023); Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản công ngày 22/12/2023 (bàn giao TSCĐ, CCDC cho Trường chính trị tỉnh); Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản công ngày 22/12/2023 (bàn giao CCDC cho UBND thành phố).

2. Giá trị tổng tài sản nhà nước tại đơn vị thời điểm 31/12/2023, do đơn vị xác định, cụ thể:

- Tổng tài sản thực hiện điều chuyển từ Trường Trung cấp Luật Tây Bắc sau khi sáp nhập vào Trường Cao đẳng Sơn La theo Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 26/11/2023 của UBND tỉnh: 1.742 các loại tài sản (đất, nhà làm việc, xe ô tô, máy móc, thiết bị làm việc và TSCĐ khác) với tổng nguyên giá 277.591.850.834 đồng, giá trị còn lại 160.609.833.220 đồng (tăng do sáp nhập 7.492.726.480 đồng); tổng CCDC: 15.611 loại với tổng giá trị 14.099.907.588 đồng (tăng do sáp nhập 4.299.580.360 đồng).

- Tổng tài sản điều chuyển từ Trường Cao đẳng Sơn La cho Trường Chính trị và UBND thành phố theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh, cụ thể:


+ Trường Chính trị: Tài sản cố định với tổng nguyên giá 4.256.336.600 đồng; CCDC với tổng nguyên giá 3.204.084.960 đồng

+ UBND thành phố: 742.000.000 đồng.

3. Về công tác hạch toán, báo cáo, khai tài sản:

- Đơn vị đã thực hiện hạch toán tài sản nhà nước theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo theo đúng quy định.

- Đơn vị đã thực hiện báo cáo theo biểu mẫu kèm theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính. Việc cập nhật số liệu vào phần mềm đơn vị đã thực hiện báo cáo về Sở Tài chính để cập nhật (đơn vị đã có tài khoản trên hệ thống phần mềm <https://qltsc.mof.gov.vn>)

- Chế độ báo cáo, kê khai: Đến thời điểm kiểm tra đơn vị đã gửi báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản năm 2023 theo quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 122, Điều 124, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. 

V. Nhận xét và kiến nghị

1. Nhận xét

- Về chấp hành hạn nộp báo cáo quyết toán: Báo cáo quyết toán của đơn vị được lập và nộp đúng thời gian quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

+ Đơn vị thực hiện hạch toán và theo dõi chứng từ kế toán, phản ánh nghiệp vụ kinh tế theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

+ Các mẫu biểu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán đủ mẫu biểu theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; có bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí với Kho bạc Nhà nước tỉnh.

- Về chấp hành các quy định của nhà nước:

+ Công tác lập, phân bổ và giao dự toán đơn vị thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN năm 2023; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 và Kế hoạch Tài chính - Ngân sách Nhà nước 03 năm 2023 - 2025; Các văn bản của Sở Tài chính: Công văn số 1951/STC-QLNS ngày 07/6/2022 về hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025; Công văn số 2907/STC-QLNS ngày 08/8/2022 về hướng dẫn bổ sung xây dựng NSNN năm 2023; Công văn số 2924/STC-TCHCSN ngày 09/8/2022 về việc tổ chức làm việc dự toán ngân sách năm 2023.

+ Về thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: Đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính; UBND tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023-2025 tại Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 15/10/2023, mức tự chủ 36%. Sau khi có Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023-2025 của UBND tỉnh, đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi, bổ sung năm 2023) tại Quyết định số 944/QĐ-CĐSL ngày 13/11/2023 theo đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính.

+ Chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước: Đơn vị đã thực hiện thu, nộp các khoản thu sự nghiệp theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Các khoản thu của đơn vị như: Liên kết đào tạo, học phí hệ ngoài sư phạm, thu tiền điện nước nội trú, tiền KTX, đào tạo học sinh Lào hệ ngoài ngân sách; Việc quản lý và sử dụng cơ bản đảm bảo theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí: Kinh phí ngân sách nhà nước cấp năm 2023, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN, cụ thể: Kinh phí đoàn ra, đoàn vào: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài Chính; Nghị quyết

60/2017/NQ-HĐND ngày 10/12/201; Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND tỉnh và các văn bản của cấp có thẩm quyền.

- Công tác rà soát, xác định nhiệm vụ chi và sử dụng kinh phí còn hạn chế, dẫn đến chi sai nguồn kinh phí, phải xuất toán hu hồi, số tiền: 71.073.000 đồng.

- Đơn vị chưa thực hiện quyết liệt các giải pháp giải ngân nguồn vốn CTMTQG, do đó kinh phí phải thực hiện chuyển nguồn lớn.

- Trong năm, đơn vị chưa kịp thời rà soát, sửa đổi quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, còn viện dẫn: Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Một số tài sản không đủ điều kiện là tài sản cố định, nhưng chưa thực hiện xử lý và hạch toán và quản lý theo quy định.

2. Kiến nghị

- Đề nghị đơn vị bố trí kinh phí nộp trả NSNN do thanh toán phụ cấp cấp ủy không đúng nguồn kinh phí theo quy định tại Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 5 Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương, số tiền: **71.073.000 đồng**.

- Căn cứ nội dung, số liệu xét duyệt, đề nghị đơn vị tiếp tục rà soát hồ sơ, chứng từ, tài liệu và đối chiếu các khoản chi, dự toán được giao và số liệu quyết toán. Trường hợp có thay đổi so với số liệu quyết toán, tổng hợp, giải trình và lập hồ sơ đề nghị Sở Tài chính điều chỉnh số liệu quyết toán trước khi ban hành thông báo xét duyệt quyết toán.

- Chấn chỉnh kịp thời công tác xác định nhiệm vụ chi và quyết định chi ngân sách đảm bảo theo quy định.

- Đề nghị đơn vị thực hiện rà soát danh mục tài sản công đang theo dõi, hạch toán, đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

- Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý tài sản công cho phù hợp với cơ sở pháp lý hiện nay.

- Đối với các hạng mục bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hoạt động, đề nghị lập báo cáo quyết toán công trình hoàn thành; Trong thời gian chưa được phê duyệt quyết toán, thực hiện rà soát và hạch toán giá trị tài sản mới tăng thêm theo quy định và thực hiện điều chỉnh tăng khi quyết toán công trình được phê duyệt.

- Tổ chức rà soát, xác định giá trị tài sản mới tăng thêm; thực hiện báo cáo và hạch toán theo quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công, Luật kế toán.

- Căn cứ thông báo duyệt quyết toán của cơ quan tài chính, thực hiện điều chỉnh khóa sổ kế toán theo quy định.

2.2. Ý kiến của đơn vị

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản này được lập thành 04 bản (Sở Tài chính 03 bản, đơn vị 01 bản) được thông qua và được mọi người nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN TRƯỞNG PHÒNG KH-TC HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương

Cung Thị Thanh



Nguyễn Đức Long

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ GIÁ CSX**

Lê Văn Thanh

THẨM KẾ

Phạm Như Quỳnh

**TRƯỞNG PHÒNG
TCHCSN**

Đinh Thị Thuận

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phong

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Đơn vị: Trường Cao đẳng Sơn La

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B		1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	147.098.752.604	147.098.752.604	-
a	Từ NSNN cấp	02	147.098.752.604	147.098.752.604	-
b	Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03		-	-
c	Từ nguồn phí được khấu trừ để lại	04		-	-
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	150.634.490.654	150.634.490.654	-
a	Chi phí hoạt động	06	150.634.490.654	150.634.490.654	-
b	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07		-	-
c	Chi phí hoạt động thu phí	08	-	-	-
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	09	(3.535.738.050)	(3.535.738.050)	-
II	Hoạt động SXKD, dịch vụ				
1	Doanh thu	10	21.734.757.038	21.734.757.038	-
2	Chi phí	11	19.319.265.391	19.319.265.391	-
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	2.415.491.647	2.415.491.647	-
III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20			-
2	Chi phí	21			-
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	-	-	-
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30		-	-
2	Chi phí khác	31			-
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			-
V	Chi phí thuế TNDN	40	132.446.888	132.446.888	-
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)		(1.252.693.291)	(1.252.693.291)	-
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51		-	-
2	Phân phối cho các quỹ	52	2.640.383.297	2.640.383.297	-
3	Kinh phí CCTL	53	1.456.144.400	1.456.144.400	-

Jh

BIỂU SỐ 02 - BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

(Kèm theo biên bản xét duyệt quyết toán)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm 2022		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý	6.341.620.500	773.293.444	6.341.620.500	773.293.444	-	-	
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách <i>Chi tiết:</i>							
							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách <i>Chi tiết:....</i>							
							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán	6.341.620.500	773.293.444	6.341.620.500	773.293.444	-	-	
a	Nộp trả ngân sách: <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>		-		-	-	-	
	<i>- Chi thường xuyên</i>		773.293.444		-		773.293.444	Giấy nộp trả kinh phí ngày 31/1/2024
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>	6.341.620.500	-	6.341.620.500	-	-	-	
	<i>- Chi thường xuyên</i>	6.341.620.500		6.341.620.500		-	-	Thu hồi tại Quyết định 1447/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay <i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>	0	-	-	-	-	-	
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
II	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay	0	0	0	0	0	0	
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							

Handwritten signature

	<i>Chi tiết:</i>							
	...							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	<i>Chi tiết:</i>							
	...							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	<i>Trong đó: - Xây dựng cơ bản</i>							
	<i>- Chi thường xuyên</i>							
III	Các vấn đề khác liên quan cần giải trình							

HL

BIỂU SỐ 3
THUYẾT MINH THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA
(Kèm theo biên bản xét duyệt quyết toán)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Dư năm 2022 chuyển sang	Thu trong năm 2023	Quyết toán năm 2023	Còn lại chuyển năm 2023	Ghi chú
1	2	3		5	6	8
I	Nhu cầu			-		
II	Nguồn	12.921.588.341		4.309.031.494	10.721.377.188	
1	Thu sự nghiệp	12.148.294.897		3.535.738.050	10.721.377.188	
-	Thu sự nghiệp trong năm	8.065.286.200	2.108.820.341		10.174.106.541	
-	Năm trước chuyển sang	4.083.008.697		3.535.738.050	547.270.647	
2	NSNN cấp	773.293.444	-	773.293.444	-	-
-	Dư tại đơn vị	773.293.444		773.293.444		

lll